

**PHỤ LỤC IV**  
**CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ ĐƯỢC HOÀN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ XUẤT KHẨU**  
*(Áp dụng đối với người nộp thuế vừa có hoạt động xuất khẩu, vừa có hoạt động kinh doanh nội địa)*

*(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)*

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền
1	2	3	4
1	Doanh thu xuất khẩu trong kỳ hoàn thuế trên tờ khai	Tổng chỉ tiêu [29] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	
1.1	<i>Doanh thu xuất khẩu đủ điều kiện phân bổ trong kỳ hoàn thuế (=1-1.2)</i>		
1.2	<i>Trường hợp theo quy định doanh thu của hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu sang nước thứ ba</i>		
2	Tổng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng trong kỳ hoàn thuế	Tổng chỉ tiêu [27] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	
3	Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu/Tổng doanh thu (=1.1/2)		
4	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang đủ điều kiện phân bổ (=4.1-4.2-4.3-4.4)		
4.1	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang</i>	<i>Chỉ tiêu [22] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng lần đầu của kỳ "tù" thuộc kỳ đề nghị hoàn</i>	
4.2	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang không phục vụ hoạt động xuất khẩu</i>		
4.3	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang có liên quan đến hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu</i>		
4.4	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang có liên quan đến hoạt động kinh doanh vãng lai ngoại tình</i>		
5	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đủ điều kiện phân bổ (=5.1-5.2-5.3)		
5.1	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ</i>	<i>Tổng chỉ tiêu [25] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn</i>	
5.2	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ không phục vụ hoạt động xuất khẩu</i>		
5.3	<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ có liên quan đến hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu</i>		
6	Điều chỉnh tăng/giảm số thuế giá trị gia tăng khấu trừ kỳ trước (=6.2-6.1-6.3)		
6.1	<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>Tổng chỉ tiêu [37] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn</i>	
6.2	<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>Tổng chỉ tiêu [38] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn</i>	
6.3	<i>Điều chỉnh tăng trong trường hợp không trực tiếp phục vụ cho hoạt động xuất khẩu</i>		

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền
1	2	3	4
7	Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào cần phân bổ (=4+5+6)		
8	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu (=7*3)		
9	Thuế giá trị gia tăng đầu ra trong nước	<i>Tổng chỉ tiêu [35] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn</i>	
10	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá bán trong nước (đối với trường hợp không hạch toán riêng = 4.1+5.1+6.2-6.1-8) hoặc (đối với trường hợp hạch toán riêng được 4.2+5.2-6.3)		
11	Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong nước (=9-10)		
12	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào có liên quan đến hoạt động XK sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có)		
12.1	<i>Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong nước (CT 11) &lt;0 thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào trực tiếp phục vụ cho hoạt động xuất khẩu đủ điều kiện được hoàn (=8)</i>		
12.2	<i>Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong nước (CT 11) &gt;0 thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào trực tiếp phục vụ cho hoạt động xuất khẩu đủ điều kiện được hoàn (= 8 - 10)</i>		
13	10% Doanh thu Xuất khẩu (=10%x1)		
14	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá xuất khẩu đề nghị hoàn thuế (nhỏ nhất giữa 12.1 hoặc 12.2 và 13)		